

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
๓๓๓๓๓๓

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 1403.1
	Giờ: Ngày 25 tháng 03 năm 11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 1 NĂM 2011

THÁNG 03 NĂM 2011

SĐKK.D.
Đ
QUẢN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011
Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,353,553,116,931	1.601.398.030.962
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	107,659,558,326	249.370.284.462
1. Tiền	111		6,289,558,326	10.870.284.462
2. Các khoản tương đương tiền	112		101,370,000,000	238.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		847,034,011,283	949.319.760.835
1. Phải thu khách hàng	131		472,800,122,865	538.134.373.499
2. Trả trước cho người bán	132		23,549,603,537	4.568.645.320
3. Các khoản phải thu khác	135	5	350,684,284,881	406.616.742.016
IV. Hàng tồn kho	140		366,714,046,113	358.022.133.070
1. Hàng tồn kho	141	6	366,714,046,113	358.022.133.070
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32,145,501,209	34.685.852.595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24,002,936,880	22.874.541.986
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7,662,802,259	11.402.384.648
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		479,762,070	408.925.961
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		777,241,888,419	741.837.055.555
I. Tài sản cố định	220		325,145,933,215	301.484.171.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	32,384,027,606	32.337.998.200
- Nguyên giá	222		37,700,182,646	36.709.209.919
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,316,155,040)	(4.371.211.719)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	73,984,097,640	73.994.097.639
- Nguyên giá	228		73,994,097,639	73.994.097.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9,999,999)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	218,777,807,969	195.152.076.097
II. Bất động sản đầu tư	240	10	54,208,964,453	54.316.283.441
- Nguyên giá	241		54,530,921,417	54.530.921.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(321,956,964)	(214.637.976)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	396,812,910,573	384.962.520.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		370,562,910,573	358.712.520.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		26,250,000,000	26.250.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1,074,080,178	1.074.080.178
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		221,890,640	221.890.640
2. Tài sản dài hạn khác	268		852,189,538	852.189.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,130,795,005,350	2,343.235.086.517

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		902,992,868,411	1.123.553.997.003
I. Nợ ngắn hạn	310		514,167,434,318	790.633.031.520
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	98,000,000,000	341.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		131,959,483,440	194.196.508.571
3. Người mua trả tiền trước	313		12,632,077,995	4.024.779.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	49,091,742,770	51.716.557.896
5. Phải trả người lao động	315		1,692,397,949	3.027.530.000
6. Chi phí trích trước	316		130,127,511,853	122.091.445.196
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		90,664,220,311	74.076.210.217
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		388,825,434,093	332.920.965.483
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,299,180,987	1.299.180.987
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	387,526,253,106	331.621.784.496
B. NGUỒN VỐN	400		1,227,802,136,939	1.219.681.089.514
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	1,227,802,136,939	1.219.681.089.514
1. Vốn điều lệ	411		1,000,000,000,000	1.000.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,077,326,587	2.077.326.587
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,077,326,587	2.077.326.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		223,647,483,765	215.526.436.340
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,130,795,005,350	2.343.235.086.517

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

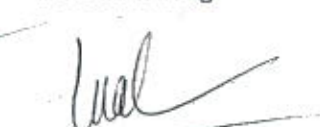
- | | 31/3/2011 | 01/01/2011 |
|--|-----------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | |
| 2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công | | |
| 3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi | | |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | |
| 5. Ngoại tệ các loại (USD) | | |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | |

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân



Tổng Giám đốc



Bùi Minh Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2011	Quý 1/2010	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	97,048,264,176	120,481,126,812	97,048,264,176	120,481,126,812
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần	10		97,048,264,176	120,481,126,812	97,048,264,176	120,481,126,812
4. Giá vốn	11	17	82,479,830,670	89,173,456,364	82,479,830,670	89,173,456,364
5. Lợi nhuận gộp	20		14,568,433,506	31,307,670,448	14,568,433,506	31,307,670,448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	3,337,144,100	6,506,239,449	3,337,144,100	6,506,239,449
7. Chi phí tài chính (lãi vay)	22		3,934,953,304	-	3,934,953,304	-
8. Chi phí bán hàng	24		787,776,713	265,389,368	787,776,713	265,389,368
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	2,769,834,203	5,839,641,081	2,769,834,203	5,839,641,081
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,413,013,386	31,708,879,448	10,413,013,386	31,708,879,448
11. Thu nhập khác	31		422,347,484	-	422,347,484	-
12. Chi phí khác	32		7,297,636	16,563,932	7,297,636	16,563,932
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		415,049,848	(16,563,932)	415,049,848	(16,563,932)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		10,828,063,234	31,692,315,516	10,828,063,234	31,692,315,516
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,707,015,809	954,315,888	2,707,015,809	954,315,888
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	5,417,295,076	-	5,417,295,076
17. Lợi nhuận sau thuế	60		8,121,047,425	25,320,704,552	8,121,047,425	25,320,704,552

Người lập biểu

[Signature]

Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng

[Signature]

Vũ Thị Kim Ngân



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 1/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1/2011 (Luỹ kê)	Quý 1/2010 (Luỹ kê)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10,828,063,234	31.692.315.516
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,062,262,308	324.329.124
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(3,337,144,100)	(6.506.239.449)
Chi phí lãi vay	06	3,934,953,304	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	12,488,134,746	25.510.405.191
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	107.008.692.181	1.739.490.468
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8,691,913,043)	(814.714.553)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(30.824.933.528)	(122.046.815.968)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1,128,394,894)	166.198.160
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.920.742.788)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.847.679.483)	(2.679.637.173)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(430.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.083.163.191	(98.555.073.875)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(24,616,704,599)	44.705.009.583
Tiền chi cho vay các công ty khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay từ các công ty khác	24	10,000,000,000	50.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(11,850,390,573)	(42.860.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.268.737.235	5.057.661.888
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.198.357.937)	56.920.671.471
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	62.380.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	84,204,468,610	27.448.847.460
Tiền vay đã trả	34	(271,800,000,000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(187,595,531,390)	89.828.847.460
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(141,710,726,136)	48.194.445.057
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	249,370,284,462	201.794.435.381
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	107,659,558,326	249.988.880.438

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thuý Nga

Vũ Thị Kim Ngân

Bùi Minh Chính

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang, Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh.

Hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của riêng Công ty. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước

tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí xây dựng dở dang liên quan đến các dự án và các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 25
Phương tiện vận tải	4 – 8
Thiết bị văn phòng	3 – 5

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm được mua. Công ty có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 421 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Vũng Tàu và quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại địa chỉ 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, một phần của nhà, đất và cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.



Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan đến việc đầu tư này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với các bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua.

Đối với các bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá vốn của các bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng để hoàn thành bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	116.947.521	132.868.716
Tiền gửi ngân hàng	6.172.610.805	10.737.415.746

Các khoản tương đương tiền	101.370.000.000	238.500.000.000
	<u>107,659,558,326</u>	<u>249.370.284.462</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2011 phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng và được sử dụng để bảo đảm cho các khoản vay tại ngân hàng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	345.000.000.000	145.000.000.000
Petroland Thăng Long	-	252.819.444.444
Phải thu khác	5.684.284.881	8.797.297.572
	<u>350,684,284,881</u>	<u>406.616.742.016</u>

Phải thu từ Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh thể hiện khoản đặt cọc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hợp đồng hợp tác đầu tư dự án xây dựng chung cư 25 tầng tại khu đất 6,15ha tại phường Phước Long B, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, trong đó Công ty tham gia vốn với tỉ lệ vốn góp là 79,9% giá trị đầu tư dự án.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
Chung cư Petroland Quận 2	58.109.631.928	91.065.439.002
Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	284.103.064.800	128.537.562.160
Chung cư Mỹ Phú	17,904,380,490	19.938.767.100
Các công trình tư vấn quản lý dự án	6.542.865.745	5.297.901.117
	<u>366,714,046,113</u>	<u>244.839.669.379</u>

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình tư vấn quản lý dự án và các dự án kinh doanh bất động sản.

7. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	30.304.878.082	4.034.159.710	2.370.172.127	36.709.209.919
Tăng trong kỳ	-	952.809.091	38.163.636	990.972.727
Tại ngày 31/3/2011	<u>30.304.878.082</u>	<u>4.986.968.802</u>	<u>2.408.335.762</u>	<u>37.700.182.646</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	1.814.774.652	1.656.098.142	900.338.925	4.371.211.719
Khấu hao trong kỳ	570.362.841	200.533.312	174.047.168	944.943.321
Tại ngày 31/3/2011	<u>2.385.137.493</u>	<u>1.856.631.454</u>	<u>1.074.386.093</u>	<u>5.316.155.040</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/3/2011	<u>27.094.143.734</u>	<u>3.130.337.348</u>	<u>1.333.949.669</u>	<u>32.384.027.606</u>
Tại ngày 1/1/2011	<u>28.490.103.430</u>	<u>2.378.061.568</u>	<u>1.469.833.202</u>	<u>32.337.998.200</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	73.874.097.639	120.000.000	73.994.097.639
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/3/2011	<u>73.874.097.639</u>	<u>120.000.000</u>	<u>73.994.097.639</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	9.999.999	-
Tại ngày 31/3/2011	-	<u>9.999.999</u>	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/3/2011	<u>73.874.097.639</u>	<u>110.000.001</u>	<u>73.984.097.640</u>
Tại ngày 1/1/2011	<u>73.874.097.639</u>	<u>120.000.000</u>	<u>73.994.097.639</u>

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự án đường vành đai 2	5.087.082.553	5.086.518.075
Khu đô thị mới Vũng Tàu	145.496.435.416	121.871.268.022
Dự án nhà ở thương mại Trương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
Chung cư Huỳnh Tấn Phát	32.194.290.000	32.194.290.000
	<u>218.777.807.969</u>	<u>195.152.076.097</u>

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	10.731.898.875	43.799.022.542	54.530.921.417
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31/3/2011	<u>10.731.898.875</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.530.921.417</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	214.637.976	-	214.637.976
Trích khấu hao trong kỳ	107.318.988	-	107.318.988
Tại ngày 31/3/2011	<u>321.956.964</u>	-	<u>321.956.964</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/3/2011	<u>10.409.941.911</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.208.964.453</u>
Tại ngày 1/1/2011	<u>10.517.260.899</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.316.283.441</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà 16 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành và đã được cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với phần diện tích cho thuê. Bất động sản đầu tư là toà nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

ngb

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/3/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào công ty con (i)	370.562.910.573	358.712.520.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	157.325.000.000	157.325.000.000
- Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí Thăng Long	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	200.387.520.000	200.387.520.000
- Công ty Cổ phần đầu tư Tây Ninh	11.850.390.573	-
Đầu tư dài hạn khác (ii)	26.250.000.000	26.250.000.000
	<u>396.812.910.573</u>	<u>386.962.520.000</u>

(i) Đầu tư vào công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, Công ty Petroland nắm 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty này.

Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí Thăng Long, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty Petroland nắm 79,9% quyền sở hữu của Công ty này.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký tại số 4, đường An Dương Vương, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Công ty Petroland nắm 65,38% quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty này.

Công ty Cổ phần đầu tư Tây Ninh, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3900949861 cấp ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh. Trụ sở đăng ký tại số 50 Hoàng Lê Kha, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Công ty Petroland nắm 50,1% quyền sở hữu của Công ty này.

(ii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC SG - Incomex), với số tiền đầu tư tương đương 7,5% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

31/3/2011	31/12/2010
<u>VND</u>	<u>VND</u>

BaovietBank Hồ Chí Minh	98.000.000.000	341.500.000.000
	<u>98.000.000.000</u>	<u>341.500.000.000</u>

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (“BaovietBank Hồ Chí Minh”) với thời hạn vay dưới 1 năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại BaovietBank Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất của Công ty và chịu lãi suất từ 11,7% đến 16,5%/năm.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.031.181.748	51.171.845.422
Thuế thu nhập cá nhân	60.561.022	544.712.474
	<u>49.091.742.770</u>	<u>51.716.557.896</u>

14. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
VietinBank Hồ Chí Minh	289.660.415.496	289.660.415.496
BaovietBank Hồ Chí Minh	97.865.837.610	41.961.369.000
	<u>387.526.253.106</u>	<u>331.621.784.496</u>

Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“VietinBank Hồ Chí Minh”) ngày 07/01/2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BaovietBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/ năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

Hợp đồng tín dụng ký với BaovietBank Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2010 với số tiền vay tối đa là 100 tỷ đồng. Thời hạn tối đa của khoản vay là 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Công ty được ân hạn nợ gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm, áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần, áp dụng bằng lãi suất tiết kiệm VND thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của BaovietBank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm. Mục đích của khoản vay là tài trợ vốn cho dự án xây dựng Chung cư Petroland tại phường Bình Trưng Đông - Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ hàng tháng. Khoản vay này có thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và số dư khoản vay trên sẽ đáo hạn thanh toán vào tháng 2 năm 2012. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất của dự án và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hiện có và sẽ hoàn thành trong tương lai của dự án.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	1.000.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền tại ngày 31/03/2011 100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	<u>1.000.000.000.000</u>

[Signature]

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 số 0305284081 ngày 8 tháng 5 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 1 nghìn tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu					
	Vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2010	1.000.000.000.000	215.526.436.340	2.077.326.587	2.077.326.587	1.219.681.089.514
Vốn góp	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	8.121.047.425	-	-	8.121.047.425
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/3/2011	1.000.000.000.000	223.647.483.765	2.077.326.587	2.077.326.587	1.227.802.136.939

16. DOANH THU

	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh BĐS	95.429.387.526	120.481.126.812
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.618.876.650	-
	97.048.264.176	120.481.126.812

Do đặc thù doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh bất động sản, nên việc ghi nhận doanh thu tùy thuộc vào tiến độ các dự án, nên quý 1 năm nay doanh thu giảm hơn 25 tỷ tương đương giảm 20% so với cùng kỳ năm trước. Điều này dẫn đến lợi nhuận trong kỳ cũng giảm, tương đương 30% so với cùng kỳ năm trước.

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
	VND	VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh BĐS	80.990.497.295	89.173.456.364
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.489.333.375	-
	82.479.830.670	89.173.456.364

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác đầu tư, quản lý vốn	3.337.144.100	6.134.476.449
Thu nhập từ hoạt động tài chính khác	-	371.763.000
	3.337.144.100	6.509.239.449

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1 năm 2011	Quý 1 năm 2010
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.769.834.203	5.839.641.081
	2.769.834.203	5.839.641.081

Handwritten signature

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

21. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1 NĂM 2011

Thực hiện thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin giải trình kết quả kinh doanh quý 1/2011 như sau:

- Quý 1/2011 Công ty đạt doanh thu là 97 tỷ đồng, giảm 23,4 tỷ đồng so với quý 1 năm 2010 (120,4 tỷ đồng), với lý do: đặc thù doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh bất động sản, nên việc ghi nhận doanh thu tùy thuộc vào tiến độ các dự án; trong quý, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu của Dự án Chung cư Petroland Quận 2 và Dự án Chung cư Mỹ Phú, nên lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2011 giảm 17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (25,3 tỷ đồng).

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

